

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LỰA CHỌN HỌC NGÀNH KẾ TOÁN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Bích Vân

Trường Đại học Văn Lang

Email: nguyenthibichvan@vanlanguni.edu.vn

Nguyễn Thị Thu Vân

Trường Đại học Văn Lang

Email: nguyenthithuvan@vanlanguni.edu.vn

Lưu Chí Danh

Trường Đại học Văn Lang

Email: luuchidanh@vanlanguni.edu.vn

Ngày nhận: 4/4/2017

Ngày nhận bản sửa: 8/5/2017

Ngày duyệt đăng: 25/6/2017

Tóm tắt:

Mục tiêu của bài viết này là xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành kế toán của sinh viên thông qua phương pháp nghiên cứu định lượng với mẫu gồm 580 quan sát được thu thập từ sinh viên của bốn trường đại học và cựu sinh viên các trường. Nghiên cứu cho thấy có sáu nhân tố là đặc điểm của trường đại học; tính cách, sở thích của người học; năng lực của người học; viễn cảnh nghề nghiệp; tính chất nghề nghiệp và xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đưa ra khuyến nghị cho các trường đại học: cần tập trung vào hoạt động đào tạo, quảng bá tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp cho người học, đồng thời cung cấp thông tin cho người học trước khi quyết định lựa chọn ngành học.

Từ khóa: ngành kế toán, sự lựa chọn của sinh viên kế toán, sự lựa chọn, nhân tố chọn ngành kế toán

Factors influencing the choice of accounting major in Vietnam

Abstract:

This paper is to identify the factors affecting the students' choice of accounting major basing on the experimental research. The research data was gathered from the survey with a sample of 580 students in four universities and ex-students in Vietnam. The findings show that the characteristics of universities, personal characteristics, student's interests, student's competency, job perspective, job characteristics, and social needs for accounting job are the factors influencing the students' choice. In addition, the paper has suggested that universities should focus on training activities, marketing and communication, counseling, and should provide the students with information to help them in their decision-making.

Keywords: Accounting major, accounting students' choice, choice, choice of accounting major.

1. Giới thiệu

Đối với phần lớn người Việt Nam, bằng đại học được coi là “tấm hộ chiếu vào đời” và giáo dục đại học cũng là sự khẳng định vị trí con người trong xã hội. Chính vì vậy, nhu cầu được tiếp cận giáo dục đại học hiện nay là rất lớn. Hàng năm, vấn đề

chọn ngành, chọn trường luôn là vấn đề gây khó khăn lớn đối với các em học sinh cũng như gia đình. Họ thường xuyên cảm thấy bối rối trước quá nhiều thông tin về ngành nghề và luôn băn khoăn không biết mình phù hợp với ngành nghề nào, tương lai sẽ ra sao,... Do vậy, việc chọn ngành học vẫn luôn là

quyết định khó khăn nhất với họ.

Trước bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, Thủ tướng chính phủ Việt Nam (2013, 1) đã nhận định: “Ngành kế toán – kiểm toán là công cụ quản lý kinh tế quan trọng có chức năng tạo lập hệ thống thông tin về kinh tế – tài chính – ngân sách phục vụ cho việc điều hành và quyết định kinh tế của Nhà nước cũng như của một đơn vị”. Theo đó, Thủ tướng (2013, 2) nhấn mạnh: “Phát triển mạnh nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán cả về số lượng và chất lượng”. Tuy nhiên, trái ngược với chiến lược này, báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Ngọc Tân, 2016; Quỳnh Chi, 2017) và Viện Khoa học Lao động và Xã hội (Ngọc Tân, 2016) lại công bố kế toán là một trong những ngành có nhu cầu việc làm thấp, tỷ lệ thất nghiệp cao. Bên cạnh đó, các kênh truyền thông cũng đưa nhiều thông tin khuyến cáo người học trong việc lựa chọn ngành kế toán trong bối cảnh thất nghiệp gia tăng. Song song với thống kê, ngành kế toán thuộc nhóm ngành có tỷ lệ tuyển dụng cao (Ngọc Tân, 2016; Quỳnh Chi, 2017; Trần Anh Tuấn, 2017). Những thông tin này làm ảnh hưởng không ít đến việc lựa chọn ngành kế toán của sinh viên, học sinh cũng như các trường đại học. Người học luôn băn khoăn không biết nên chọn ngành này hay không, trường đại học lại băn khoăn không biết nên xác định chỉ tiêu tuyển sinh ngành này bao nhiêu, chiến lược truyền thông và tư vấn cho người học như thế nào.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành kế toán là vấn đề cần thiết đối với các sinh viên, học sinh cũng như các trường đại học, thông qua đó, giúp họ có cơ sở lựa chọn và ra quyết định phù hợp để học tập hiệu quả.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Đào tạo đại học có đầy đủ các đặc điểm của một dịch vụ như tính vô hình, tính không dự trữ, tính không ổn định và không đồng thời, nên đó cũng là loại hình dịch vụ do các trường đại học, cao đẳng cung cấp và người học là khách hàng. Vì vậy, việc sinh viên, học sinh lựa chọn một ngành học ở bậc đại học để tiếp tục quá trình đào tạo ngành nghề chuyên nghiệp cũng là hành vi tiêu dùng của khách hàng. Mô hình hành vi người tiêu dùng (Kotler & Keller, 2011) cho thấy việc lựa chọn một sản phẩm của người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi các tác nhân như đặc điểm của người tiêu dùng (tính cách, tâm lý, nhu cầu, sở thích, nhận thức, động cơ,...), đặc điểm marketing (sản phẩm, giá cả, phân phối), và các tác nhân khác như kinh tế, xã hội, văn hóa, công nghệ,...

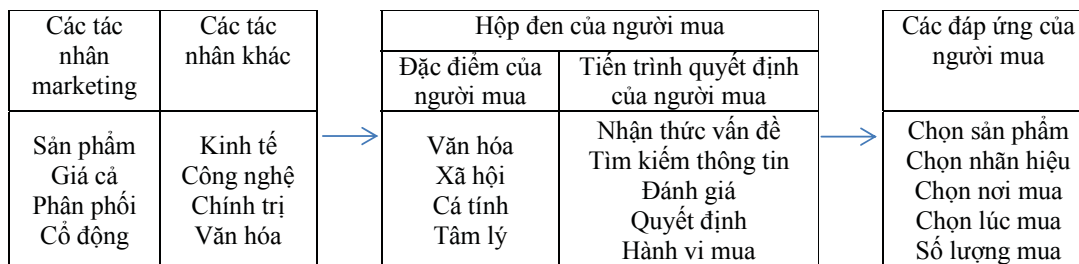
2.2. Lược sử các nghiên cứu

Kết quả của nhiều nghiên cứu trước đây đã đưa ra một số nhân tố ảnh hưởng chính đến việc lựa chọn ngành kế toán. Các nhân tố này đều phù hợp với mô hình hành vi tiêu dùng, bao gồm:

2.2.1. Đặc điểm của người học (Personal characteristics)

Có nhiều quan điểm cho rằng ngành kế toán chỉ phù hợp với người giỏi tính toán, không năng động, thích an nhàn,... Bên cạnh đó, sở thích và nhận thức về ngành nghề cũng là nguyên nhân khiến họ chọn ngành học này. Tuy nhiên, thực tế thì rất nhiều kế toán viên rất năng động bên cạnh không ít người thụ động, hoặc rất nhiều người giỏi các môn tính toán nhưng cũng có không ít người có thể mạnh vượt trội về ngôn ngữ,... Vì vậy, khi chọn ngành, rất nhiều học sinh băn khoăn tính cách của họ có phù hợp với nghề kế toán, kiểm toán hay không. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng đặc điểm của người học như tính cách, sở thích, kỳ vọng của người học đối với nghề nghiệp là những nhân tố tác động mạnh đến sự lựa

Hình 1: Mô hình hành vi tiêu dùng



Nguồn: Philip Kotler (2011).

chọn này (Chapman, 1981; Worthington & Higgs, 2003; Abu, 2010; Nguyễn Phương Toàn, 2011; Panayotis & Charalambos, 2012; Odia & Ogiedu, 2013; Lillian, 2013).

2.2.2. Đặc điểm của ngành nghề (Job characteristics)

Bên cạnh đó, việc lựa chọn ngành học cũng phụ thuộc vào đặc điểm của ngành nghề, đây cũng là tác nhân đặc điểm sản phẩm. Người học rất quan tâm đến những đặc điểm như tính chất nghề nghiệp, yêu cầu của nghề nghiệp có phù hợp với tính cách, năng lực và sở thích của họ không. Hơn nữa, những yếu tố quan trọng khác mà người học rất quan tâm là viễn cảnh tương lai của nghề nghiệp thể hiện qua uy tín, vị trí của kế toán viên trong tổ chức, trong xã hội; cơ hội phát triển bản thân; sức hấp dẫn của ngành nghề; thu nhập theo ngành nghề,... Nhiều nghiên cứu chứng minh rằng đặc điểm nghề nghiệp cũng là những nhân tố tác động mạnh đến sự lựa chọn này (Cabrera & LaNasa, 2000; Brown & cộng sự, 2002; Worthington & Higgs, 2003; Abu, 2010; Nguyễn Phương Toàn, 2011; Panayotis & Charalambos, 2012; Ahinful & cộng sự, 2012; Odia & Ogiedu, 2013; Sharifah & Michael, 2013; Lillian, 2013; Phan Hoài Vũ & cộng sự, 2016).

2.2.3. Đặc điểm của trường học (University characteristics)

Ngoài ra, tác nhân thương hiệu thể hiện qua đặc điểm trường học cũng chiếm phần quan trọng trong việc lựa chọn ngành học (Chapman, 1981; Kaur & Leen, 2006; Nguyễn Phương Toàn, 2011; Panayotis & Charalambos, 2012; Sharifah, 2013; Quezada & Yeong, 2013). Ở Việt Nam, nhân tố này thể hiện qua các thông tin về hoạt động đào tạo, chất lượng đào tạo, hoạt động tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh của trường đại học hướng đến người học để cung cấp thông tin cho họ trước khi lựa chọn ngành. Trong thời gian gần đây, những thông tin cảnh báo về tình trạng thất nghiệp của ngành kế toán (Ngọc Tân, 2016; Quỳnh Chi, 2017; Trần Anh Tuấn, 2017) càng khiến cho người học ngày càng chú ý và đặt yêu cầu cao hơn về chất lượng đào tạo trước khi lựa chọn. Tuy nhiên, theo Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam (2016), nguyên nhân của việc thất nghiệp này là do “*thừa số lượng, nhưng thiếu chất lượng*”, “*80% - 90% sinh viên được tuyển dụng chưa có khả năng tiếp cận ngay được với công việc*”. Vì vậy, việc lựa chọn ngành kế toán hiện nay

phụ thuộc không ít vào việc lựa chọn trường vì chất lượng đào tạo ảnh hưởng lớn đến cơ hội việc làm và viễn cảnh nghề nghiệp trong tương lai của họ.

2.2.4. Gia đình và người thân (Family and Peers)

Song song đó, tác nhân xã hội, điển hình là sự tác động của gia đình và những người ảnh hưởng, cũng được nhiều nghiên cứu kết luận (Chapman, 1981; Brown & cộng sự, 2002; Pimpa, 2007; Abu, 2010; Odia & Ogiedu, 2013; Rababah, 2016; Phan Hoài Vũ & cộng sự, 2016). Ở Việt Nam, tác nhân này có vẻ nổi trội hơn cả do văn hóa Việt Nam chú trọng đến nghề truyền thống của gia đình; đồng thời, cha mẹ luôn có ảnh hưởng lớn đến những quyết định quan trọng của con cái như chọn nghề nghiệp, công việc. Hơn nữa, những thông tin về nghề nghiệp, trường đại học xuất phát từ gia đình và người thân luôn có tác động mạnh và đáng tin cậy hơn. Do vậy, người học có xu hướng nghe theo lời khuyên của gia đình và người thân.

2.2.5. Xã hội (Information and Needs)

Một số nghiên cứu đã chứng minh những nhân tố như thị trường lao động, nhu cầu nguồn nhân lực, đại diện cho tác nhân văn hóa là những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc chọn ngành của người học (Linda, 2006; Abu, 2010; Brown & cộng sự, 2002; Ahinful & cộng sự, 2012; Odia & Ogiedu, 2013; Sharifah, 2013; Quezada & Yeong, 2013). Ở Việt Nam, việc lựa chọn ngành học nhằm hướng đến mục tiêu quan trọng nhất là cơ hội việc làm cao, dễ dàng tìm được việc làm và tìm được công việc tốt. Do vậy, những thông tin về nghề nghiệp và nhu cầu lao động luôn có tác động đến việc lựa chọn của người học.

2.3. Khung phân tích

Từ các nghiên cứu trên, năm nhân tố gồm đặc điểm cá nhân, đặc điểm nghề nghiệp, đặc điểm cơ sở đào tạo, gia đình và người thân, và xã hội được lựa chọn đưa vào nghiên cứu.

Giả thuyết H1: Đặc điểm cá nhân người học có tác động đến việc lựa chọn.

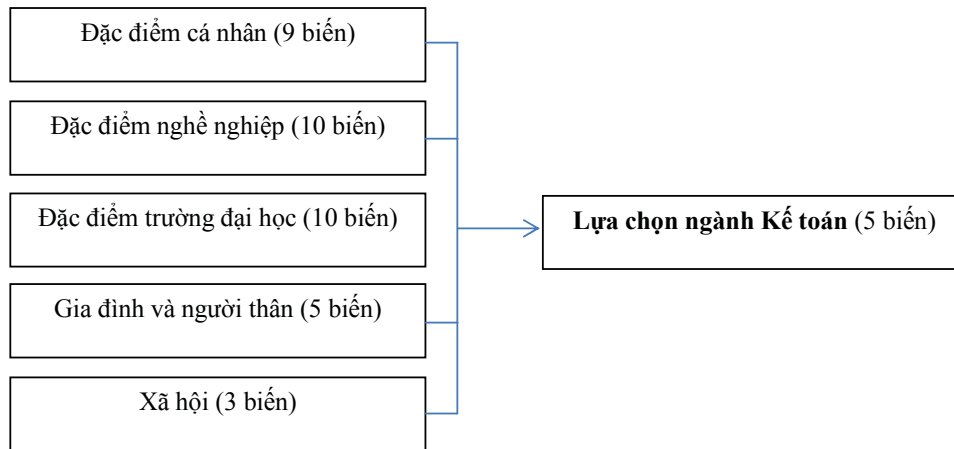
Giả thuyết H2: Đặc điểm nghề nghiệp có tác động đến việc lựa chọn.

Giả thuyết H3: Đặc điểm của trường đại học có tác động đến việc lựa chọn.

Giả thuyết H4: Gia đình và người thân có tác động đến việc lựa chọn.

Giả thuyết H5: Xã hội có tác động đến việc lựa chọn.

Hình 2: Khung phân tích



3. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

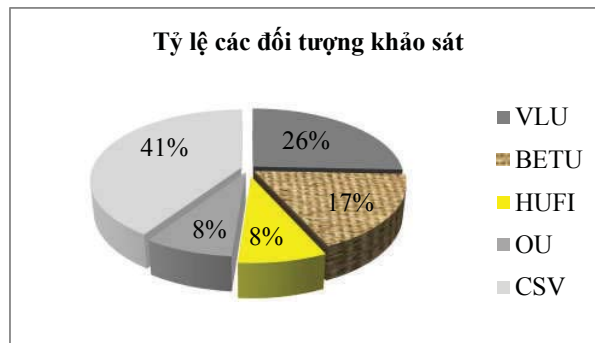
Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp định lượng, gồm khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn ngẫu nhiên thông qua bảng khảo sát có cấu trúc gồm 42 biến theo thang đo Likert. Trong đó, có 37 biến độc lập và 5 biến phụ thuộc, dữ liệu được xử lý bằng công cụ SPSS với các kỹ thuật như kiểm định độ tin cậy của thang đo, xác định hệ số tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc, xây dựng và phân tích mô hình hồi quy bội, kiểm định phi tham số để phân tích dữ liệu.

Kết quả thu thập được 580 mẫu, gồm 236 cựu sinh viên (chiếm 41%) và 344 sinh viên (chiếm 59%) từ các trường đại học Văn Lang (VLU), trường đại học Kinh tế – Kỹ thuật Bình Dương (BETU), trường đại học Công nghiệp thực phẩm (HUPI), trường đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh (OU) trong đó tỷ lệ nữ chiếm 82,5%, nam chiếm 17,5%.

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach-Alpha cho thấy cả sáu thành phần trong khung phân tích đều đạt độ tin cậy cao.

Thông qua thủ tục kiểm định Barlett's, kết quả

Hình 3: Mẫu nghiên cứu



Bảng 1: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

STT	Thang đo	Số biến được chấp nhận	Cronbach's Alpha
1	Đặc điểm cá nhân (PC)	5	0,727
2	Đặc điểm nghề nghiệp (JC)	9	0,795
3	Đặc điểm trường đại học (UC)	10	0,901
4	Gia đình và người thân (FP)	5	0,662
5	Xã hội (IN)	3	0,722
6	Sự lựa chọn (SC)	5	0,831

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố

	Component							
	F1	F2	F3	F4	F5	F6	F7	F8
uc2	,802							
uc1	,797							
uc6	,756							
uc4	,744							
uc7	,737							
uc3	,717							
uc9	,684							
uc8	,676							
uc5	,556							
uc10	,409							
jc8		,709						
jc9		,681						
jc4		,602						
jc3		,539						
jc5		,489						
jc1		,444						
fp3			,840					
fp2			,835					
jc6				,701				
jc10				,578				
jc7				,571				
in1					,849			
in2					,830			
in3					,438			
pc7						,691		
pc8						,673		
pc6						,558		
pc1							,864	
pc3							,859	
fp4								,811
fp1								,589
fp5								,478

Bảng 3: Kết quả phân tích nhân tố và kiểm định thang đo hiệu chỉnh

Nhân tố	Số biến được chấp nhận	Cronbach's Alpha
F1 (10 biến) – Đặc điểm trường đại học	10	0,901
F2 (6 biến) – Tính chất nghề nghiệp	6	0,757
F3 (2 biến) – Gia đình và người thân	2	0,820
F4 (3 biến) – Viễn cảnh nghề nghiệp	3	0,636
F5 (3 biến) – Xã hội	3	0,722
F6 (3 biến) – Tính cách, sở thích của người học	3	0,620
F7 (2 biến) – Năng lực của người học	2	0,830

KMO=0,890, Sig=0,000 cho thấy phương pháp phân tích nhân tố khám phá rất phù hợp với bộ dữ liệu. Với giá trị tổng phương sai trích đạt 61,191%, hệ số Eigenvalues là 1,004, kết quả phân tích cho ra 8 nhân tố.

Từ kết quả phân tích nhân tố ở Bảng 2, tiếp tục kiểm định Cronbach-Alpha trên thang đo hiệu chỉnh cho thấy nhân tố F8 có hai biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 nên nhân tố này bị loại bỏ, còn lại cả 7 nhân tố đều có độ tin cậy cao.

Bảng 4: Kết quả kiểm định tương quan

	F1	F2	F3	F4	F5	F6	F7	Y
F1	1	,530**	,225**	,476**	,475**	,346**	,259**	,786**
F2		1	,215**	,499**	,386**	,416**	,244**	,526**
F3			1	,103*	,241**	,114**	,162**	,200**
F4				1	,363**	,336**	,249**	,489**
F5					1	,226**	,145**	,458**
F6						1	,402**	,413**
F7							1	,312**
Y								1

** Correlation is significant at the 0,01 level (2-tailed).

* Correlation is significant at the 0,05 level (2-tailed).

Tiếp theo, phương pháp phân tích tương quan giữa 7 biến quan sát với biến phụ thuộc cho thấy biến F3 có mức độ tương quan yếu với biến phụ thuộc.

Kết quả ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính cũng cho thấy mô hình phù hợp với bộ dữ liệu, với $R^2=0,662$. Kết quả kiểm định mô hình cũng chứng minh mô hình không bị vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan ($VIF<5$, $dL=1,603<d=1,779<4-dU=2,254$). Kiểm định các tham số cho thấy nhân tố F3 bị loại bỏ, còn lại sáu nhân tố có mức độ ảnh hưởng từ cao đến thấp được thể hiện qua phương trình sau:

$$Y = 0,626X_{1i} + 0,1X_{2i} + 0,082X_{3i} + 0,072X_{4i} + 0,069X_{5i} + 0,062X_{6i}$$

Trong đó: Y Lựa chọn ngành kế toán

X_{1i} Đặc điểm trường đại học

X_{2i} Tính cách, sở thích của người học

X_{3i} Viễn cảnh nghề nghiệp

X_{4i} Nhu cầu xã hội

X_{5i} Tính chất nghề nghiệp

X_{6i} Năng lực người học

Kiểm định T-test về mối quan hệ giữa giới tính và sự lựa chọn cho ra Sig.Levene = 0,05, Sig-2-tailed = 0,000. Như vậy, giới tính có ảnh hưởng đến người học trong việc lựa chọn ngành kế toán.

Kiểm định ANOVA về mối quan hệ giữa đối tượng người học (sinh viên và cựu sinh viên) và sự hài lòng của họ đối với việc lựa chọn ngành kế toán, cho ra Sig.Levene = 0,041, Sig-2-tailed = 0,00. Điều này chứng minh có sự hài lòng khác nhau về việc lựa chọn ngành kế toán giữa sinh viên và cựu sinh viên. Cụ thể, mức độ hài lòng của cựu sinh viên về việc lựa chọn ngành kế toán của họ cao hơn sinh viên.

Bảng 5: Kết quả ước lượng hồi quy tuyến tính

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Const.)	,017	,131		,133	,894		
F1	,660	,034	,626	19,677	,000	,583	1,716
F2	,078	,036	,069	2,185	,029	,587	1,702
F3	-,002	,019	-,003	-,107	,915	,904	1,106
F4	,085	,031	,082	2,730	,007	,660	1,515
F5	,065	,026	,072	2,529	,012	,721	1,388
F6	,096	,028	,100	3,461	,001	,714	1,400
F7	,045	,019	,062	2,302	,022	,807	1,240

a. Dependent Variable: Y

Kiểm định T-test về mối quan hệ giữa đối tượng người học (sinh viên và cựu sinh viên) với quyết định lựa chọn lại ngành kế toán (nếu họ có cơ hội lựa chọn lại ngành nghề), cho ra Sig. Levene = 0,00, Sig-2-tailed = 0,00; điều này chứng minh có sự khác nhau trong quyết định lựa chọn lại ngành kế toán giữa sinh viên và cựu sinh viên.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy:

H1. Đặc điểm của người học (tính cách, sở thích, năng lực, giới tính) có tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán.

H2. Đặc điểm nghề nghiệp (viễn cảnh và tính chất nghề nghiệp) có tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán.

H3. Đặc điểm trường đại học (đào tạo, hoạt động quảng bá, tuyển sinh) có tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán.

H4. Gia đình và người thân (thầy cô, bạn bè, người quen) không có tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán.

H5. Xã hội (thông tin và nhu cầu lao động) có tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán.

Kết quả nghiên cứu trên cũng cho thấy có sự tương đồng về nhân tố ảnh hưởng ở Việt Nam cũng như ở các quốc gia khác trong các nghiên cứu trước. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là nghiên cứu này cho thấy nhân tố gia đình và người thân không có sự ảnh hưởng.

4. Thảo luận về kết quả nghiên cứu và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố đặc điểm của trường đại học như hoạt động đào tạo ngành kế toán, hoạt động truyền thông, quảng bá của trường đại học, có tác động rất lớn đến việc chọn ngành kế toán của sinh viên, học sinh ($\beta_1=0,626$). Hơn 95% người học cho rằng họ đã lựa chọn ngành kế toán là do những thông tin về chất lượng đào tạo và môi trường học tập của trường ($mean=3,77$), như vậy, đây là yếu tố chính có tác động mạnh nhất đến việc lựa chọn của người học. Điều này cũng phù hợp với những thông tin truyền thông đã đăng tải rằng, mặc dù ngành kế toán là một trong những nhóm ngành có tỷ lệ tuyển dụng cao, nhưng cũng là ngành có nguy cơ thất nghiệp cao (Ngọc Tân, 2016; Quỳnh Chi, 2017, Trần Anh Tuấn, 2017). Nguyên nhân là do chất lượng đào tạo ngành này chưa đồng đều giữa các trường đại học và chưa đáp ứng được yêu cầu

của nhà tuyển dụng. Hơn nữa, sau khi Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), do nhu cầu về sử dụng dịch vụ kế toán chung trong cộng đồng nên yêu cầu về chất lượng nghề kế toán phải nâng cao, Việt Nam đang trong tình trạng “báo động đỏ vì thừa số lượng, thiếu chất lượng” (Thanh Tâm, 2017). Vì vậy, các trường đại học cũng như người học càng phải tập trung nâng cao chất lượng dạy và học. Ngoài ra, cũng hơn 22% cho rằng hoạt động quảng bá của trường chưa tốt, chưa minh bạch; do vậy, bên cạnh việc nâng cao chất lượng, các trường cần có các hoạt động truyền thông hiệu quả để người học có thể nhận biết và tin tưởng. Nhờ đó, các trường có thể thu hút được người học tốt hơn. Đồng thời, người học cần tìm hiểu đầy đủ thông tin để tránh lựa chọn sai lầm, dẫn đến nguy cơ thất nghiệp. Đây cũng là nhân tố đặc thù riêng ở Việt Nam mà các nghiên cứu trước đây ở các quốc gia khác không có.

Bên cạnh đó, nhân tố đặc điểm cá nhân người học như tính cách, sở thích của người học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc lựa chọn nghề kế toán ($\beta_2=0,1$). Gần 90% người được khảo sát cho rằng tính cách của họ năng động, hoạt bát, thích giao tiếp, thích thử thách và hơn 95% họ mong muốn làm việc trong lĩnh vực kinh tế ($mean=3,87$). Hơn nữa, năng lực của người học cũng có tác động đến việc lựa chọn học ngành kế toán ($\beta_6=0,062$), tuy nhiên kết quả cho thấy 62% người học không có thể mạnh về tư duy logic, còn 38% cho rằng họ có năng lực tư duy nổi trội hơn, thể hiện qua việc họ không có hoặc có thể mạnh ở các môn học liên quan đến tính toán, logic. Điều này cũng thể hiện qua kết quả học tập của nhóm A (không có thể mạnh tư duy) cao hơn nhóm B (có tư duy nổi trội), lần lượt là $mean_{KQHT-A} = 3,10$ đạt mức khá và $mean_{KQHT-B} = 2,67$ đạt trung bình khá. Về giới tính, mặc dù theo thực tế quan sát, hầu hết người học ngành này đều là nữ, tuy nhiên đối với nam giới, khi họ lựa chọn ngành này thì mức độ khẳng định sự lựa chọn của họ cao hơn nữ giới (97% nam khẳng định tiếp tục chọn ngành kế toán, trong khi tỷ lệ nữ là 92%). Đồng thời, kết quả học tập của nam giới cũng cao hơn nữ giới (90% nam và 67% nữ đạt kết quả học tập trung bình khá trở lên). Dựa trên những căn cứ này, các trường đại học cần phối hợp với các trường trung học phổ thông đưa những thông tin này vào nội dung tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, và phối hợp với gia đình và người học giúp họ tìm hiểu năng lực,

trắc nghiệm tính cách, sở thích của họ để giúp họ lựa chọn ngành nghề một cách phù hợp hơn.

Ngoài ra, nhân tố đặc điểm nghề nghiệp như viễn cảnh nghề nghiệp cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc lựa chọn nghề kế toán ($\beta_3=0,082$). Hơn 98% lựa chọn là do vị trí và tầm quan trọng của nghề kế toán trong các tổ chức, đồng thời hơn 95% cho rằng họ có thể chuyển đổi làm các công việc khác trong môi trường kinh doanh như tài chính, kinh doanh, marketing,... nếu họ học ngành kế toán. Hơn nữa, tính chất nghề nghiệp cũng có tác động đến việc lựa chọn nghề kế toán của họ ($\beta_5=0,069$). Gần 95% người được khảo sát cho rằng nghề kế toán có ích cho công việc của họ và họ có cơ hội phát triển bản thân trong nghề nghiệp; hơn 88% yêu thích môi trường làm việc của người kế toán được tiếp xúc nhiều, năng động, có tính thử thách; và hơn 80% cho rằng nghề kế toán có tính sáng tạo và có thu nhập cao, ổn định. Theo thống kê, lương trung bình của kế toán viên mới tốt nghiệp từ 5-8 triệu đồng (Công ty Adecco, 2017). Cụ thể sinh viên trường đại học Văn Lang là 6,78 triệu đồng (Khoa kế toán – kiểm toán trường đại học Văn Lang, 2016). Như vậy, trong công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, học sinh, các trường đại học cần giới thiệu cho người học hiểu rõ hơn về đặc điểm ngành nghề kế toán để giúp họ có sự lựa chọn ngành nghề một cách phù hợp.

Một nhân tố cần quan tâm khác là nhân tố xã hội, thể hiện qua các thông tin đánh giá và nhu cầu nhân lực đối với ngành kế toán. Hơn 85% người được khảo sát cho biết những thông tin liên quan đến xu hướng phát triển của xã hội, nhu cầu lao động, dự báo nguồn nhân lực nghề kế toán từ các phương tiện truyền thông đại chúng ảnh hưởng đến quyết định của họ. Sau khi Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN, kế toán được luân chuyển lao động trong khu vực (Hồng Phúc, 2017; Trần Anh Tuấn, 2017) để tìm kiếm cơ hội việc làm và cuộc sống tốt hơn. Đồng thời, nhu cầu về nghề kế toán cũng cao hơn nên có tác động không nhỏ đến việc lựa chọn ngành của người học. Do vậy, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp và trường đại học cần chú ý cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học. Ngoài ra, người học cũng cần thu thập nhiều thông tin liên

quan đến ngành nghề trước khi ra quyết định lựa chọn. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội này là thách thức. Kế toán viên phải có chất lượng cao để cạnh tranh với nhân lực từ nước khác chuyên đến.

Mặt khác, nghiên cứu cũng bổ sung thêm mức độ hài lòng của cựu sinh viên và sinh viên khi lựa chọn ngành kế toán. Kết quả cho thấy cựu sinh viên có mức độ hài lòng đối với việc lựa chọn ngành kế toán cao hơn sinh viên ($mean_{CSV}=4,19$ so với $mean_{SV}=3,74$). Đó cũng là lý do hơn 85% cựu sinh viên khẳng định, nếu có cơ hội lựa chọn lại ngành nghề, họ vẫn sẽ lựa chọn ngành kế toán; trong khi tỷ lệ sinh viên muốn lựa chọn lại ngành này chỉ chiếm 54,7%. Kết quả này cho thấy trong quá trình học tập, sinh viên ngành kế toán chưa thực sự hiểu và yêu thích ngành nghề của mình. Vì vậy, các trường đại học cần chú ý công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, bổ sung các hoạt động thực tế để họ có thêm kiến thức về môi trường làm việc và đặc điểm công việc của người kế toán, từ đó giúp họ yêu thích ngành nghề của mình ngay từ khi đang học tập.

Riêng nhân tố gia đình và người thân, nghiên cứu này chứng minh không có sự tác động đến sự lựa chọn ngành kế toán của người học. Mức độ đồng ý của người học đối với nhân tố này là $mean=2,79$. Trong đó, gần 80% người học nhận tư vấn từ cha mẹ, hơn 42% từ thầy cô và bạn bè trung học và 61% từ người quen khuyên họ chọn ngành kế toán. Do vậy, cần thiết có thêm nghiên cứu bổ sung mẫu quan sát ở các trường đại học khác để khẳng định lại có hay không sự tác động của nhân tố này đến sự lựa chọn ngành kế toán của người học ở Việt Nam.

5. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu đã xác định được sáu nhân tố bao gồm đặc điểm trường đại học; tính cách, sở thích, giới tính người học; năng lực người học; viễn cảnh nghề nghiệp; tính chất nghề nghiệp; và xã hội có ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành kế toán của sinh viên ở Việt Nam. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước ở các quốc gia khác và tương đồng với các nhân tố trong khung lý thuyết. Trong đó, nhân tố đặc điểm cá nhân và đặc điểm nghề nghiệp được xác định chi tiết hơn.

Phụ lục 1: Các biến đo lường

Thang đo 1: Đặc điểm cá nhân (Personal characteristics)	
1	Thế mạnh của tôi là các môn học tư duy, tính toán
2	Thế mạnh của tôi là diễn đạt, trình bày vấn đề
3	Tôi thường đạt điểm cao trong môn Toán
4	Tôi thường đạt điểm cao trong các môn Văn, Ngoại ngữ
5	Tôi mong muốn trở thành nhân viên kế toán, kiểm toán (KTKT)
6	Tôi mong muốn làm việc trong lĩnh vực kinh tế
7	Tôi thích chinh phục thử thách
8	Tính cách của tôi năng động, hoạt bát, thích giao tiếp, cẩn thận
9	Tính cách của tôi trầm, e ngại giao tiếp

Thang đo 2: Đặc điểm nghề nghiệp (Job characteristics)	
1	Ngành học này rất thú vị, bổ ích cho công việc trong tương lai
2	Ngành học này rất chán, quá hẹp, không có hướng phát triển
3	Nghề KTKT đòi hỏi sáng tạo
4	Người KTKT có uy tín trong các tổ chức nói riêng và trong xã hội nói chung
5	Thu nhập của nghề KTKT cao, ổn định
6	Nhu cầu Lao động đối với nghề KTKT cao
7	Môi trường làm việc của nghề KTKT được tiếp xúc nhiều, năng động, sạch sẽ, có tính thử thách,...
8	Người làm nghề KTKT có cơ hội phát triển chuyên môn và thăng tiến
9	Người làm nghề KTKT có thể chuyển đổi công việc khác dễ dàng (tài chính, kinh doanh, marketing,...)
10	Nghề KTKT rất quan trọng trong tất cả các tổ chức

Thang đo 3: Đặc điểm trường đại học (University characteristics)	
1	Tôi tin tưởng vào chất lượng đào tạo của khoa tôi
2	Tôi tin tưởng vào mục tiêu và chương trình đào tạo của khoa tôi
3	Tôi được biết sinh viên khoa tôi có việc làm tốt, tỷ lệ có việc làm cao
4	Tôi đã tìm hiểu và thích môi trường học tập ở khoa tôi
5	Điểm chuẩn tuyển sinh của ngành này phù hợp với năng lực của tôi
6	Thông tin về khoa tôi đầy đủ, đáng tin cậy
7	Các hoạt động của khoa tôi phong phú, bổ ích
8	Website của trường và khoa tôi đẹp, cuốn hút
9	Có thông tin bên ngoài xã hội đánh giá tốt về chất lượng đào tạo của khoa tôi
10	Hoạt động tư vấn tuyển sinh của khoa và trường tôi giúp tôi lựa chọn

Thang đo 4: Gia đình và người thân (Family and Peers)	
1	Gia đình, người quen của gia đình khuyên tôi chọn ngành KTKT
2	Thầy cô ở trường THPT khuyên tôi chọn ngành KTKT
3	Bạn bè khuyên tôi chọn ngành KTKT
4	Người thân của tôi cũng làm trong ngành KTKT, kinh tế
5	Người thân của tôi cũng học ngành KTKT trường này

Thang đo 5: Xã hội (Information and Needs)	
1	Xu hướng phát triển của xã hội tác động đến quyết định của tôi
2	Các thông tin dự báo nguồn nhân lực từ xã hội định hướng cho tôi lựa chọn
3	Ngành KTKT nói chung luôn được sự đầu tư, quan tâm của các doanh nghiệp

Thang đo 6: Lựa chọn ngành Kế toán (Selection)	
1	Tôi hài lòng về sự lựa chọn của mình
2	Tôi hài lòng với môi trường học tập và sinh hoạt ở khoa tôi
3	Tôi sẵn lòng giới thiệu người quen vào học tại khoa tôi
4	Tôi tin rằng học ngành KTKT giúp tôi làm việc tốt hơn
5	Tôi tin rằng ngành KTKT giúp tôi phát triển hơn trong nghề nghiệp

Phụ lục 2: Kết quả các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành kế toán

STT	Ý nghĩa
Nhân tố X1: Đặc điểm trường đại học	
1	Tôi tin tưởng vào chất lượng đào tạo của khoa tôi
2	Tôi tin tưởng vào mục tiêu và chương trình đào tạo của khoa tôi
3	Tôi được biết sinh viên khoa tôi có việc làm tốt, tỷ lệ có việc làm cao
4	Tôi đã tìm hiểu và thích môi trường học tập ở khoa tôi
5	Điểm chuẩn tuyển sinh của ngành tôi phù hợp với năng lực của tôi
6	Thông tin về khoa tôi đầy đủ, đáng tin cậy
7	Các hoạt động của khoa tôi phong phú, bổ ích
8	Website của trường và khoa tôi đẹp, cuốn hút
9	Có thông tin bên ngoài xã hội đánh giá tốt về chất lượng đào tạo của khoa tôi
10	Hoạt động tư vấn tuyển sinh của khoa và trường tôi giúp tôi lựa chọn
Nhân tố X2: Tính cách cá nhân	
1	Tôi mong muốn làm việc trong lĩnh vực kinh tế
2	Tôi thích chinh phục thử thách
3	Tính cách của tôi năng động, hoạt bát, thích giao tiếp, cẩn thận
Nhân tố X3: Viễn cảnh nghề nghiệp	
1	Nhu cầu Lao động đối với nghề KTKT cao
2	Người làm nghề KTKT có thể chuyển đổi công việc khác dễ dàng
3	Nghề KTKT rất quan trọng trong tất cả các tổ chức
Nhân tố X4: Xã hội	
1	Xu hướng phát triển của xã hội tác động đến quyết định của tôi
2	Các thông tin dự báo nguồn nhân lực từ xã hội định hướng cho tôi lựa chọn
3	Ngành KTKT nói chung luôn được sự đầu tư, quan tâm của các doanh nghiệp
Nhân tố X5: Tính chất nghề nghiệp	
1	Ngành học này rất thú vị, bổ ích cho công việc trong tương lai
2	Nghề KTKT đòi hỏi sáng tạo
3	Người KTKT có uy tín trong các tổ chức nói riêng và trong xã hội nói chung
4	Thu nhập của nghề KTKT cao
5	Môi trường làm việc của nghề KTKT được tiếp xúc nhiều, năng động, sạch sẽ, có tính thử thách,...
6	Người làm nghề KTKT có cơ hội phát triển chuyên môn và thăng tiến
Nhân tố X6: Năng lực người học	
1	Thế mạnh của tôi là các môn học tư duy, tính toán
2	Tôi thường đạt điểm cao trong môn Toán

Tài liệu tham khảo

- Abu, S.S. (2010), 'The factors that affect the students' decisions to choose accounting as a major field of study', *Islamic University Journal*, 18(1), 689-716.
- Ahinful, G.S., Paintsil, R.O. & Danquah, J.B. (2012), 'Factors influencing the choice of accounting as a major in Ghanaian universities', *Journal of Education and Practice*, 3(15), 101-105.
- Brown, D., Brown, S.D., Collin, A., Dawis, R.V., Gottfredson, L.S., Hackett, G., Johnson, M.K., Lent, R.W., Lenz, J.G., Luchetta, E.J., Mortimer, J.T., Peterson, G.W., Reardon, R.C., Richwine, M.H. (2002), *Career choice and development*, John Wiley and Sons Inc., San Francisco, USA, 37-83.
- Cabrera, A.F. & LaNasa, S.M. (2000), 'Understanding the college choice process', *New Directions for Institutional Research*, 2000(107), 5-22.
- Chapman, D.W. (1981), 'A model of student college choice', *The journal of Higher Education*, 52(5), 490-505.
- Công ty ADECCO (2017), *Vietnam salary guide 2017*, Việt Nam.
- Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam (2016), *Ngành Kế toán có thực sự thừa nhân lực?*, truy cập ngày 22 tháng 9 năm 2017, từ <<http://aum.edu.vn/tin-tuc/nganh-ke-toan-co-thuc-su-thua-nhan-luc.html>>.

- Hồng Phúc (2017), ‘Singapore hút nhân sự CNTT, Kế toán–Kiểm toán’, *Kinh tế Sài Gòn*, truy cập ngày 23 tháng 9 năm 2017, từ <www.thesaigontimes.vn/155863/Singapore-hut-nhan-su-CNTT-ke-toan-kiem-toan.html>.
- Kaur, M. & Leen, E.Y. (2007), *Factors influencing undergraduates’ choice of business major*, INTI International University College.
- Khoa kế toán – kiểm toán trường đại học Văn Lang (2017), *Báo cáo khảo sát việc làm của sinh viên năm 2017*, trường đại học Văn Lang.
- Kotler & Keller (2011), *Marketing Management*, 14th edition, London: Pearson Education.
- Lillian, B. Wally Dima (2013), ‘Factors influence students’ choice of accounting as a major: The case of Botswana accounting students’, *Asian journal of Empirical Research*, 3(4), 464-476.
- Linda, A. (2006), *How to choose a college major*, The McGraw-Hill Companies, Inc, New York.
- Ngọc Tân (2016), ‘Chọn ngành học qua số liệu thất nghiệp’, *Tin tức trực tuyến zing*, truy cập ngày 23 tháng 9 năm 2017, từ <<http://news.zing.vn/chon-nganh-hoc-qua-so-lieu-that-nghiep-post621278.html>>.
- Nguyễn Phương Toàn (2011), ‘Khảo sát những yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang’, luận văn thạc sỹ, đại học quốc gia Hà Nội.
- Odia, J. & Ogiedu, K.O. (2013), ‘Factors affecting the study of accounting in Nigerian universities’, *Journal of Educational and Social Research*, 3(3), 89-96.
- Panayotis, M. & Charalambos, S. (2012), ‘Greek students’ perceptions of an introductory accounting course and the accounting profession’, *Advances in Accounting Education*, 13, 59-85.
- Phan Hoài Vũ, Nguyễn Thị Kim Tuyền & Cao Thị Thanh Hiền (2016), ‘Factors influence students’ choice of accounting as a major’, *The 10th International Days of Statistics and Economics Proceedings*, University of Economics Prague, Prague, Czech Republic, 1471-1481.
- Pimpa, N. (2007), ‘The influence of normative referents on Thai students’ choice of international education’, *International Journal of Educational Management*, 17(5), 211-219.
- Quezada, Arabella & Yeong, Nain Chi (02/2013), ‘Knowing how business students choose accounting as a major’, *Journal of Business and Economics*, 4(2), 124-134.
- Quỳnh Chi (2017), ‘Top 10 ngành học có nguy cơ thất nghiệp cao nhất hiện nay’, *Lao động*, truy cập ngày 23 tháng 9 năm 2017, từ <<https://laodong.vn/vieclam-mobile/top-10-nganh-hoc-co-nguy-co-that-nghiep-cao-nhat-hien-nay-682362.blid>>.
- Rababah, A. (2016), ‘Factors influencing the students’ choice of accounting as a major: The case of X University in United Arab Emirates’, *International Business Research*, 9(10), 25-32.
- Sharifah, S.S. Ali & Michael, Tinggi (2013), ‘Factors influencing the students’ choice of accounting as a major’, *The IUP Journal of Accounting Research & Audit Practices*, 4(4), 25-42.
- Thanh Tâm (2017), ‘Ngành kế toán – kiểm toán báo động đỏ vì thừa số lương, thiếu chất lượng’, *Người đồng hành*, truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2017, từ <<http://ndh.vn/nganh-ke-toan-kiem-toan-bao-dong-do-vi-thua-so-luong-thieu-chat-luong--2017072804011169p125c135.news>>.
- Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định 480/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược kế toán – kiểm toán đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030*, ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2013.
- Trần Anh Tuấn (2017), ‘Chuyên đề chọn ngành nghề – chọn tương lai’, *Tuổi trẻ*, truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2017, từ <<http://tuoitre.vn/chon-nganh-hoc-theo-xu-the-hoi-nhap-700164.htm>>.
- Worthington, A. & Higgs, H. (2003), ‘Factors explaining the choice of a finance major: the role of student characteristics, personality and perceptions of the profession’, *Accounting Education*, (12)3, 261-281.